

THÊM VÀI SUY NGHĨ VỀ NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VÀ NHỮNG ĐIỀU TRẦN CỦA ÔNG

NGUYỄN PHAN QUANG*

Cho đến nay, chắc hẳn còn những nhận thức và đánh giá khác nhau về nhân vật Nguyễn Trường Tộ và những điều trần của ông. Ở đây, chúng tôi chỉ xin có vài suy nghĩ về tính "khả thi" hay "bất khả thi" của những điều trần trong bối cảnh lịch sử Việt Nam những thập niên 60-70 của thế kỷ XIX.

I

Như chúng ta đều biết, sau khi thực dân Pháp chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ (1867), tình hình kinh tế-xã hội nước ta càng khủng hoảng nghiêm trọng, trước nguy cơ quân Pháp mở rộng xâm lược ra cả nước, nhà Nguyễn càng tỏ ra lúng túng trong việc phòng thủ. Suốt 10 năm đối phó với ngoại xâm (1858-1867), việc tổ chức, trang bị, huấn luyện quân đội vẫn không có cải tiến gì đáng kể.

Ở Bắc Hà, đời sống nhân dân khốn đốn vì luôn bị nạn đói, dịch tễ, bão lụt đe dọa, nhất là từ khi Nha đê chính bị bãi bỏ (1861). Liên tiếp hai năm 1867, 1868 các tỉnh trung du, đồng bằng và ven biển bị bão lụt lớn, nhân dân xiêu tán.

Kinh tế nông nghiệp sa sút kéo theo sự đình đốn của công thương nghiệp. Nhiều đô thị suy tàn dần, giao thông thương mại đường biển nằm trong tay Chiêu thương cục của nhà Thanh. Những cố gắng bình ổn vật giá và đồng lương không còn hiệu quả. Nha Bình chuẩn thành lập theo sáng kiến của Phan Huy Chú chỉ tồn tại mấy năm, rồi cũng bị bãi bỏ. Bấy giờ có tàu buôn nước Anh đến cửa Thị Nại (Bình Định) xin thông thương, có sứ thần của Tây Ban Nha đến Huế trình quốc thư (4-1870), có lãnh sự Phổ ở Hồng Kông liên hệ với Nha Thương bạc xin giao hảo... nhưng triều đình bỏ qua không xét hoặc không trả lời.

Tình hình tài chính ngày một kiệt quệ do chi phí chiến tranh và bồi thường chiến phí cho thực dân Pháp buộc nhà Nguyễn phải tăng các sắc thuế (1867), bán ruộng công làm ruộng tư (1869), kể cả bán quan tước để tăng thu nhập. Lại thêm nạn thổ phí (từ biên giới phía bắc tràn sang) gây tai họa cho nhân dân Bắc Hà. Những đám "giặc khách" Cờ Trắng, Cờ Vàng cùng cướp biển "Tàu ô" mặc sức tung hoành khắp thượng du, trung du và ven biển.

*PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh

Nắm được tình hình suy nhược cao độ của triều đình Huế, thực dân Pháp càng xúc tiến ý đồ mở rộng xâm lược ra phía bắc, thậm chí muốn biến vua quan nhà Nguyễn thành lực lượng hỗ trợ nhằm "đặt Bắc Kỳ dưới quyền đô hộ của Pháp mà chính phủ Pháp không phải tốn một người hay một xu nào", như lời đô đốc Dupré báo cáo về bộ Hải quân và Thuộc địa Pháp.

Không thể bó tay nhìn đất nước lâm nguy, những sáng kiến đổi mới đất nước được đề xuất lẻ tẻ trước kia trở thành một trào lưu canh tân trong những năm 60 của thế kỷ XIX. Nhiều người trong giới quan lại, sĩ phu ở các địa phương, trong đó có những người từng đi ra nước ngoài quan sát, tiếp xúc, học hỏi những thành tựu khoa học kỹ thuật châu Âu, trở về suy ngẫm trước tình hình đất nước, mà trường hợp Phạm Phú Thứ, Trần Đình Túc, Nguyễn Huy Tế, Đinh Điền... là những ví dụ.

Những sáng kiến của họ đều xuất phát từ nỗi trăn trở trước vận nước và những đề xuất của họ cũng rất khiêm tốn. Đại để: họ xin triều đình mở mang kinh tế (tận dụng ruộng đất bỏ hoang, khai thác khoáng sản), đóng thuyền máy hơi nước, nâng cao hiệu quả chiến đấu của binh lính, "mở cửa" đất nước, xây dựng hải cảng, lập thương quán ở các nước, đặt quan hệ đối ngoại với nước Anh, mời chuyên viên kỹ thuật các nước đến giúp, không để Pháp độc quyền...

Đáng chú ý hơn cả là những điều trăn trở của Nguyễn Trường Tộ (1828-1871). Ông quê ở Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Năm 19 tuổi (1847), ông quyết định đi sâu tìm hiểu những thành tựu khoa học châu Âu, bắt đầu bằng những tri thức thu lượm được tại chủng viện Xã Đoài. Sau đó ông tìm cách đi du lịch Hồng Kông, Singapore rồi sang Pháp (1858) lưu học ở Paris hai năm.

Năm 1861, Nguyễn Trường Tộ về nước, trước sau gửi lên triều đình Huế một hệ thống sáng kiến canh tân bao quát mọi lãnh vực. Ông lên án mạnh mẽ ý thức hệ Khổng giáo lỗi thời mà nhà Nguyễn đang cố sức duy trì. Ông đề xuất những biện pháp cải cách cụ thể về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, tôn giáo, văn hóa giáo dục (1).

II

Một ý tưởng cơ bản của Nguyễn Trường Tộ là: muốn nói đến chuyện canh tân thì trước hết phải "tạm hòa" với Pháp. Đã có người nghiên cứu đánh giá cao ý tưởng này, cho rằng đó là "một sách lược" để thực hiện canh tân, "chuẩn bị các điều kiện và khi có thời cơ thì đánh đuổi Pháp" (2).

Xưa nay, trong chiến tranh - kể cả chiến tranh vệ quốc - việc đánh hay hòa cũng là chuyện bình thường, và Việt Nam cũng vậy. Hòa để bảo toàn lực lượng, để mở rộng căn cứ (như trong khởi nghĩa Lam Sơn), hòa để lùi một bước tiến hai bước, có khi vừa đánh vừa đàm... Thế nhưng hoàn cảnh Việt Nam những năm 60-70 của thế kỷ XIX mà nói chuyện "hòa" với thực dân Pháp để tiến hành canh tân đất nước thì e rằng người Pháp không chịu. Vì sao vậy?

Theo Nguyễn Trường Tộ, nước Pháp - cũng như các nước phương Tây - là một nước rất mạnh: "ở trên lục địa, tất cả những chỗ nào có xe thuyền đi đến, mặt trời mặt trăng soi chiếu... thì người Âu đều đặt chân tới, như tầm ăn cá nuốt, ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa; ai hoà với họ thì được yên, thiên hạ không ai dám kháng cự lại họ... Huống hồ nước Việt ta là một nước bé nhỏ, tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được? Hơn nữa, ở châu

Áu, việc võ bị chỉ có nước Pháp là đứng hạng nhất, hùng mạnh không thua ai cả".

Nguyễn Trường Tộ cũng tiên liệu rằng: "Nếu như ngày kia Pháp đưa quân đến thì việc vượt biển cũng như đi trên đất bằng, trèo non như đi trên đường bộ. Nước ta tựa núi kê biển, địa thế như một con rắn dài, đầu đuôi không liên lạc được với nhau, nếu họ đánh một trận thì ta đã bị cái thế chia năm xẻ bảy".

Trong lúc đó, vẫn theo Nguyễn Trường Tộ, "quân lính của ta lại chuyên dùng gươm dao gậy gộc, không thạo súng ống... Nếu họ dùng súng trường từ xa bắn suốt tới, thì quân ta chưa giáp trận mà gươm đao đã tan tành. Khi họ đến gần thì dùng lưỡi lê xung phong một người đương được cả 100 người, xông lên như nước sông chảy xiết. Lúc ngừng lại thì như núi dựng, xông vào chẳng qua cũng như chuồn chuồn lay cột đá mà thôi (...). Đem quân nhút nhát của mình ra đánh lại quân vô địch của họ thật chẳng khác nào như bắt muỗi đội núi, đem dê đấu hổ (...) Quân Pháp đánh thành không cần dùng những phương pháp bắc thang, đường hầm, xe kiếm, bao đất, mà đại pháo bắn ra thì núi lở, gò sập (...), trèo thành như lên đệm gối, sở dĩ lâu nay họ chưa dùng đến là vì cất cổ gà cần gì phải dùng dao mổ trâu...".

Theo phân tích của Nguyễn Trường Tộ thì nước Việt Nam đứng bên cạnh nước Pháp chẳng khác nào một đứa trẻ gầy còm đứng bên cạnh một người khổng lồ. Hẳn rằng Nguyễn Trường Tộ chỉ muốn nói lên điều ông nghĩ, không có ý "hù dọa" vua quan triều Nguyễn.

Sở dĩ chúng tôi trích dẫn hơi rườm rà những đoạn trong *Di thảo* của Nguyễn Trường Tộ, là vì từ trước tới nay trong giới nghiên cứu chẳng hiểu vì sao mà chưa mấy

ai thực sự lưu ý những chi tiết như trên; mặt khác chúng tôi cũng muốn được hiểu rằng: Nguyễn Trường Tộ thật lòng muốn vua quan triều Nguyễn hãy mở to đôi mắt để nhìn cho rõ quân lính của nước Pháp hùng mạnh như thế nào, mà quân lính của triều đình thì yếu nhược ra làm sao. Nếu thực tế đã là như vậy mà đòi chống cự với nước Pháp, liệu mình như chẳng có, thì khác nào tự sát.

Tóm lại, muốn sống thì phải hòa (hòa chứ không phải đầu hàng), không hòa là mất hết, làm gì còn ngai vàng, còn đất nước mà canh tân, mà độc lập để phát triển! Và Nguyễn Trường Tộ khẳng định: "Sự thể hiện nay chỉ có hòa (...) không hòa mà chiến thì chẳng khác gì cứu hỏa mà đổ thêm dầu, không những không cứu được mà còn cháy cả mình nữa".

Ông chân thành mách bảo triều Nguyễn rằng: "không thể tiếc rẻ vài mảnh đất mà để mất cả giang sơn. Vua quan nhà Nguyễn chỉ mới "trao tặng" ba tỉnh miền Đông, tiện thể họ lại "xin" nốt ba tỉnh miền Tây: nếu vua quan không rút kinh nghiệm ngay mà cứ nhùng nhằng thì có khi họ sẽ nổi nóng bắt "trao tặng" luôn cả nước, bấy giờ có hối tiếc thì đã muộn!".

Về điểm này, Nguyễn Trường Tộ giải thích khá cặn kẽ: "Nay có đánh họ cũng không đi, hòa họ cũng không đi. Họ chỉ xin mình miếng đất mà thôi, nếu cứ kiên quyết không cho, họ sẽ lập mưu cướp hết, từ khách quay lại làm chủ. Như thế là tiếc một hai mảnh đất mà đem cả nước trao cho họ. Nếu biết rõ họ đã đến là không đi..., thì đánh với họ tức là mất cái lớn không đáng mất..., không kêu nài gì được (...) Hoặc giả có người nói đất đai tổ tiên để lại không được đưa gang tấc nào cho kẻ khác. Như vậy là quá câu chấp mà để hỏng việc nước. Sao không xem xưa nay có ai làm chủ giang

sơn mãi dâu (...). Và lại những điều mà nước Pháp xin, chẳng qua là để mở bến tàu, lập phố xá, thông cửa bể để buôn bán...". Và để cho vua quan triều Nguyễn yên tâm hơn, Nguyễn Trường Tộ cam đoan như đinh đóng cột: "Xưa nay chưa có ai buôn bán mà âm mưu chiếm nước người ta bao giờ" (3).

Chỉ tiếc rằng Nguyễn Trường Tộ lo ngại vua quan triều Nguyễn hoang mang, nên ông chưa muốn nói rõ cho họ hiểu cận kề hơn tâm địa thực sự của thực dân Pháp đối với nước ta, ít nhất là từ ngày họ nổ súng bắn vào Đà Nẵng giữa năm 1858; mà tâm địa này thì một người thông kim bác cổ như Nguyễn Trường Tộ thấu hiểu hơn ai hết. Có lẽ cũng chính vì vậy mà cho mãi đến năm 1871 Nguyễn Trường Tộ vẫn cứ thúc giục vua quan triều Nguyễn phải chớp ngay "thời cơ đã đến" để thực hiện canh tân đất nước!

Vậy thì "thời cơ" theo Nguyễn Trường Tộ là như thế nào?

III

Tháng 9-1871 (hai tháng trước khi qua đời), Nguyễn Trường Tộ mong triều đình nhà Nguyễn thực hiện những đề nghị canh tân mà ông đã đề xuất từ năm 1863: "Bài Tế cấp luận của tôi nếu đem ra thực hành trăm năm cũng chưa hết; thế mà bảy tám năm nay chưa thấy thực hành tý nào, chả lẽ đợi đến trăm năm sau mới thực hành được sao? Nay có thể làm được rồi, thời đã đến, thế đã có, mở rộng giao thương để đem của cải thiên hạ đến, chấn hưng phương pháp mới để làm hưng thịnh nguồn lợi trong nước. Tiến hành cả hai thì mọi cái hỗ trợ nhau, lợi ích sẽ ùn ùn đưa đến. Tôi tính toán cái thời hạn 20 năm chỉ một ngày có thể hy vọng được".

Theo Nguyễn Trường Tộ, các năm 1871-1872 là thời gian các nước tư bản đang cạnh tranh nhau gay gắt, đặc biệt là tình hình nước Pháp sau thất bại với Phổ. Vì vậy, "nếu để thời cơ bối rối của họ đi qua thì còn làm gì được nữa, hiện nay hết sức khẩn cấp. Hãy đứng dậy nhảy xổ ra bắt tay thực hiện ngay. Thời đã đến rồi. Thời khó mà dễ mất. Chớ nên nói hãy để sang năm" (4).

Những suy đoán trên đây của Nguyễn Trường Tộ về tình hình nước Pháp những năm 1870-1871 không phải hoàn toàn không có cơ sở. Nhưng theo chúng tôi, điều quan trọng hơn là cần tìm hiểu hai vấn đề sau:

Một là: về mặt chủ quan, liệu rằng cho đến những năm 60, 70 của thế kỷ XIX, triều đình Huế có còn khả năng xoay chuyển tình thế như thời vua Gia Long còn trị vì, hay ít ra là khoảng những năm cuối đời Minh Mạng, khi nhà vua bưng tỉnh về đường lối "đóng cửa" thất sách của mình? Về vấn đề này, chúng tôi đã nói qua ở phần trên, khi nhắc lại thực trạng xã hội Việt Nam trước và trong thời gian diễn ra những đề nghị canh tân, kể cả những điều trần của Nguyễn Trường Tộ.

Hai là: về mặt khách quan, liệu rằng chính phủ Pháp và thực dân Pháp nói riêng, có vì "tình hình bối rối" của họ trong các năm 1871-1872 mà đành bó tay nhìn vua quan triều Nguyễn xông ra "chớp thời cơ" để canh tân đất nước, một khi quyết tâm xâm chiếm toàn bộ nước ta của thực dân Pháp đã được xác định?

Như mọi người đều biết, sau khi hiệp ước 1862 được phê chuẩn, vua Tự Đức cử một phái bộ sang Pháp, xin vua Pháp (Napoléon III) cho chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Tháng 11-1863, vua Pháp hứa với

phái bộ sẽ cử đại diện (Aubaret) sang Huế để sửa lại hiệp ước 1862.

Sau một tháng điều đình (giữa tháng 6 đến giữa tháng 7-1864), Aubaret và Phan Thanh Giản ký bản điều ước gồm 21 khoản: Pháp trả lại cho Tự Đức ba tỉnh miền Đông nhưng vẫn làm chủ Sài Gòn, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho; đồng thời triều đình Huế thừa nhận sự "bảo hộ" của Pháp trên lục tỉnh. Các điều khoản về thương mại, truyền giáo... vẫn giữ nguyên như các điều ước 1862.

Về thực chất, "tạm ước" Aubaret - Phan Thanh Giản không lợi hơn, thậm chí nghiêm trọng hơn đối với vận mệnh đất nước so với hiệp ước 1862. Thế nhưng ngay sau khi đề án tạm ước vừa đệ trình vua Pháp và Aubaret chưa kịp đến Huế, thì thực dân Pháp (ở nước Pháp cũng như ở Nam Kỳ) đứng đầu là Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa Chasseloup Laubat cực lực phản đối, yêu cầu vua Pháp ra lệnh đình chỉ việc triển khai đề án tạm ước Aubaret.

Sự phản đối này thể hiện càng quyết liệt qua ba bức thư (viết khoảng cuối tháng 9 đầu tháng 10-1863) mà chúng tôi tìm thấy trong Kho lưu trữ quốc gia Pháp tại Paris. Tác giả ba bức thư này là Rieunier - sĩ quan tham mưu ở Nam Kỳ - gửi cho một nghị sĩ có thể lực ở Viện lập pháp, đồng thời cũng là tác giả viết cuốn "Vấn đề Nam Kỳ xét theo quyền lợi người Pháp" để kịp thời phân phát trong chính giới thực dân Pháp, làm áp lực phản đối việc phái bộ Phan Thanh Giản xin chuộc đất.

Nội dung ba bức thư nhấn mạnh yêu cầu chính phủ Pháp không giám bớt hoặc triệu hồi số quân viễn chinh ở Nam Kỳ, liệt kê những thành tựu "khai hoá" của Pháp ở Nam Kỳ trong 4 năm qua (1859-1863). Vấn

đề cấp bách trước mắt - theo tác giả - là phải chiếm ngay toàn bộ Nam Kỳ:

"Với những tài liệu gửi đến Ngài trong bức thư trước, tôi hy vọng giúp Ngài khẳng định tầm quan trọng và triển vọng đặc biệt của xứ Nam Kỳ, một báu vật mà Thượng đế đã giao phó cho chúng ta, cũng là vùng đất mà nước Anh thực sự thèm khát nhưng không dám thú nhận (...). Tại sao Chính phủ không nghĩ rằng cần phải có 3000 hay 4000 lính để thúc đẩy nhanh chóng việc chinh phục thuộc địa tuyệt vời này? Hiện ở Nam Kỳ chúng ta chỉ có khoảng 1800-2000 lính. Và nếu chiến tranh lại nổ ra ??? Rồi người ta sẽ hối tiếc khi không còn thời cơ nữa" (Kho lưu trữ quốc gia Pháp - Fonds Berryer, 223AP-d2).

Cuối cùng, Napoléon quyết định hủy bỏ tạm ước. Về phía triều đình Huế, vua Tự Đức cử Phan Thanh Giản làm khâm sai đại thần ở ba tỉnh miền Tây, tiếp tục thi hành lệnh giải giáp quân đội và nghiêm trị những người nổi loạn.

Trên thực tế, ngay trong tháng 1-1865, được lệnh không thi hành tạm ước, đô đốc De Lagrandière xúc tiến kế hoạch chiếm nốt ba tỉnh miền Tây. Tháng 10-1866, y cử Vial ra Huế yêu cầu triều đình để cho Pháp cai trị luôn ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Tháng 2-1867, một đại diện của De Lagrandière lại ra Huế đòi chiến phí hàng năm theo điều ước 1862 và nhấn mạnh yêu cầu giao quyền cho Pháp ở ba tỉnh miền Tây. Triều đình Huế lúng túng, cuối cùng đành toàn quyền giải quyết vấn đề cho Phan Thanh Giản.

Nắm được tâm trạng vua Tự Đức và triều đình Huế, De Lagrandière triển khai kế hoạch dã dượi tính. Và chỉ trong vòng 7 ngày (từ 18-6 đến 24-8-1867), quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây không tốn

một viên đạn. Bất lực trước tình thế, Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử.

Thực ra, mưu đồ chiếm trọn Nam Kỳ của thực dân Pháp, để từ đó nuốt gọn toàn bộ nước ta không phải chỉ mới xuất hiện từ sau Hiệp ước Nhâm Tuất (5-1862), mà là từ trước khi thực dân Pháp bắt đầu tấn công Đà Nẵng năm 1858. Một số chính khách có mặt lúc bấy giờ ở Trung Hoa như De Courcy đã đề xuất việc cản trở một đạo quân viễn chinh sang Việt Nam, hoặc như Bourboulon nêu ý kiến: "phải dứt khoát và phải làm đến cùng", nhằm bước đầu chiếm cho được vài vị trí nào đó ở Việt Nam.

Nổi bật hơn cả là ý kiến của Huc, nguyên là một nhà truyền giáo tại Trung Hoa. Tháng 1-1857, Huc gửi lên hoàng đế Pháp một bản *Ghi nhớ* với những đoạn như sau:

"(...) Cuộc cách mạng Pháp đã làm cho người ta quên xứ Nam Kỳ... Vùng Viễn Đông chẳng bao lâu nữa sẽ là nơi diễn ra những biến cố nghiêm trọng. Nếu Hoàng đế muốn, nước Pháp sẽ đóng một vai trò quan trọng và vinh quang ở vùng này; ngày nay hoàn cảnh hoàn toàn thuận lợi hơn trước cho việc chiếm Nam Kỳ", để từ đó chúng ta có thể chiếm lấy lãnh thổ Việt Nam...

Chiếm lấy Việt Nam là việc làm dễ dàng nhất trên thế giới này và sẽ mang lại hiệu quả vô bờ bến. Tại biển Đông hiện nay, nước Pháp có quá dư lực lượng để làm công việc này...

Đất đai Nam Kỳ cực kỳ màu mỡ, ngang hàng với những vùng đất chí tuyến giàu có nhất. Những sản phẩm chính có thể trao đổi, mua bán hiện nay của Nam Kỳ là đường, gạo, gỗ làm nhà, gà voi... Sau nữa là vàng và bạc với những mỏ rất giàu đã được khai thác lâu nay...

Tóm lại, trong những điều kiện hiện nay, nước Pháp rất cần có một cơ sở giàu và mạnh ở Viễn Đông. Xét về tất cả mọi phương diện, Việt Nam là vị trí phù hợp với chúng ta nhất. Chúng ta có quyền chiếm lấy Việt Nam, mà đây lại là công việc dễ dàng nhất trong mọi công việc. Nước Pháp chẳng phải mất gì hết, có chăng chỉ là đánh mất những kết quả lớn lao cả về vinh quang lẫn của cải..." (Dẫn theo Taboulet - *La geste française en Indochine, Tome I, pp.401-403*).

*

Mưu đồ trước mắt và lâu dài của thực dân Pháp như vậy là đã rõ. Ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây kế tiếp nhau rơi vào tay Pháp, nhưng nhân dân Nam Kỳ vẫn phất cao ngọn cờ kháng chiến, mặc dầu điều kiện không còn thuận lợi như trước nữa.

Tháng 1-1872, lợi dụng việc triều đình Huế nhờ quân đội Pháp dẹp giặc biển ở Bắc Kỳ, Dupré cử viên trung tá hải quân Senez đem chiến hạm "Bourayne" ra Huế báo tin rồi tiến thẳng ra vịnh Bắc Kỳ. Mười tháng sau, cũng dựa vào lý do trên, tướng D'Arbaud (tạm thay Dupré nghỉ phép) lại đưa chiến hạm ra Bắc, tiến sâu vào nội địa, tìm đường lên Hà Nội. Tuy bị các quan địa phương phản đối, viên trung tá Pháp vẫn lên bộ quan sát Hà Nội và các triền sông phụ cận, và đệ trình một kế hoạch đánh chiếm Bắc Kỳ. Tháng 5-1873, Dupré báo cáo về Pháp: "Việc đánh chiếm Bắc Kỳ là vấn đề sinh tử cho tương lai thống trị của chúng ta ở Viễn Đông" (*J.Chesneaux dẫn trong Contribution à l'histoire de la nation vietnamienne, p.122*).

Trong việc xâm lược Bắc Kỳ, thực dân Pháp ở Sài Gòn liên kết hành động với Jean Dupuis, một lái buôn Pháp đang kinh

doanh ở Trung Hoa. Từ năm 1867, Dupuis dựa vào thế lực của quan nhà Thanh ở Vân Nam, cùng thực dân Pháp ở Sài Gòn bàn tính kế hoạch xâm nhập Bắc Kỳ bằng con đường sông Hồng.

Tháng 7-1873, thống đốc Nam Kỳ Dupré điện về Pháp; "Bắc Kỳ đã được khai phóng do thắng lợi của Dupuis, tạo hiệu quả sâu rộng trong nền thương mại... Chiếm Bắc Kỳ là tuyệt đối cần thiết để bảo đảm cho nước Pháp con đường thông thương duy nhất này. Tôi không cần viện binh gì hết, tôi giải quyết bằng cách của tôi. Bảo đảm thắng lợi" (*B.S.E.I. 2è sem. 1947 - J.Chesneaux dẫn, Sách đa dẫn, tr.122*).

Giữa lúc đó, triều đình Huế cử một phái bộ vào Sài Gòn yêu cầu thực dân Pháp ngăn chặn những hành vi ngang ngược của Dupuis ở Bắc Kỳ. Chớp cơ hội, ngày 11-10-1873, thiếu tá hải quân Francis Garnier được cử ra Hà Nội phối hợp với lực lượng của Dupuis, đột nhập thành Hà Nội, yêu cầu khai phóng sông Hồng.

Ngày 20-11-1873, thực dân Pháp tấn công thành Hà Nội; tổng đốc Nguyễn Tri Phương uất ức nhịn ăn mà chết. Quân triều tan vỡ. Quân Pháp thừa cơ chia quân chiếm các tỉnh thành Hưng Yên, Hải Dương, Ninh Bình, Nam Định chỉ trong không đầy 20 ngày.

Mấy tháng sau đó, triều đình Huế lại phải ký tiếp với thực dân Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (15-3-1874), chính thức thừa nhận Nam Kỳ là thuộc địa của Pháp, phần còn lại của Việt Nam thì người Pháp được quyền chi phối ngoại giao, nội trị. Như vậy, việc thực dân Pháp thực sự đặt nền thống trị lên toàn cõi Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

*

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam những năm 60, 70 của thế kỷ XIX, với quyết tâm chiếm đoạt Việt Nam bằng bất kỳ giá nào của thực dân Pháp, mà chúng tôi xin kể lại hơi dài dòng như trên, thì triều đình nhà Nguyễn (cả vua lẫn quan) dù có phép thánh, cũng không thể nào nghe theo lời thúc giục của Nguyễn Trường Tộ là phải chớp lấy "thời cơ" của các năm 1871-1872 mà "nhảy xổ ra" bắt tay thực hiện ngay những nội dung trong các điều trần của ông.

Trong thế yếu đến tột cùng như vậy của triều Nguyễn và trong điều kiện thực dân Pháp đã nắm chắc trong tay hai hiệp ước 1862 và 1874, thì những xét đoán của Nguyễn Trường Tộ về vấn đề "thời cơ" của các năm 1871-1872 đáng được trân trọng về mặt tâm huyết của ông, nhưng nghiêm túc mà nói thì đó là những xét đoán thiếu cơ sở thực tế, nếu không muốn nói là quá muộn màng, ảo tưởng, thậm chí người khó tính còn cho đó là "câu chuyện hài hước".

IV

Hơn một thế kỷ nay, người ta đã bàn nhiều về tính "khả thi" hay "bất khả thi" của những điều trần. Có một sự ghi nhận nào đó khi cho rằng toàn bộ điều trần của Nguyễn Trường Tộ phản ánh tâm huyết của một trí thức có vốn hiểu biết sâu rộng, thiết tha tìm lối thoát giải nguy cho Việt Nam.

Có ý kiến nhận thấy những điều trần của ông không có gì xa vời, ảo tưởng, mà phần lớn nằm trong tầm tay của nước ta bấy giờ. Nhưng nhiệt tình và tài năng của ông đã bị bỏ qua, chỉ vì "điều không may cho Nguyễn Trường Tộ chính là đã ở vào một thời đại với một ông vua nhu nhược, với những quan lại vô trách nhiệm, với một tầng lớp sĩ phu lỗi thời, lạc hậu" (5).

Lại có ý kiến cho rằng: mãi đến năm 1871 Nguyễn Trường Tộ mới đề xuất "sự thể hiện nay chỉ có hòa" nhưng từ 10 năm trước (1862) vua Tự Đức đã thử nghiệm một cuộc "hòa" (Hiệp ước Nhâm Tuất) và kết quả là mất 3 tỉnh miền Đông, khiến cho thực dân Pháp tranh thủ xin nốt toàn bộ Nam Kỳ lục tỉnh (1867). Nếu Nguyễn Trường Tộ còn sống cho đến năm 1874 thì triều đình Huế còn một cuộc "hòa" ngoạn mục hơn với hiệp ước Giáp Tuất; và nếu ông còn sống lâu thêm cho đến các năm 1883, 1884 thì các cuộc "hòa" mang tên Harmand và Patenôtre còn ly kỳ hồi hộp hơn nhiều. Đã vậy thì đâu phải triều Huế ngán chuyện "hòa" chẳng qua vì càng "hòa" càng mất đất, mất quyền, cuối cùng là mất hết!

Ý kiến này cũng cho rằng: tầm cao trí tuệ của Nguyễn Trường Tộ thể hiện sâu sắc nhất là ở một số điều tiên đoán của ông, đại để: "họ đã đến là không chịu di nữa", "con giao long khi thấy dầm vực thì nghĩ cách dầm mình chứ không thể nào chịu bỏ mà đi", hoặc: "hiện nay quân Pháp đã chinh cư thành Gia Định và các phủ huyện thuộc

hạt, họ đào kinh đắp lũy thủ kế lâu dài để tỏ ra không chịu di, như hổ đã về rừng, rồng đã xuống biển..., có đánh họ cũng không di, hòa họ cũng không di". Nếu như hậu thế có quy phần nào trách nhiệm cho triều Nguyễn đã để mất nước vào tay thực dân Pháp thì đó là vì nhiều lý do khác, chứ đâu phải vì không vâng lời Nguyễn Trường Tộ nên để tuột mất "thời cơ".

Nhắc lại ý kiến trên đây, chúng tôi sực nhớ câu nói của một nhà sử học bậc thầy dạy các đệ tử của mình rằng tìm hiểu con người mà bỏ qua hoặc xem nhẹ vị thế của họ trong xã hội thì chẳng khác nào vớt một con cá đang bơi tung tăng ở dưới sông đem đặt lên mặt bàn để phân tích về đời sống của loài cá.

Vậy thì nên chăng vấn đề Nguyễn Trường Tộ với những điều trần của ông cần được giới nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu thêm - dù có phải tốn thêm thời gian và giấy mực - trong đó có việc tìm hiểu cận kề hơn *vị thế của chính bản thân Nguyễn Trường Tộ trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam những năm 60, 70 thế kỷ XIX*.

CHÚ THÍCH

(1). Tham khảo: Trương Bá Cẩn - *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1988.

(2). Tham khảo: Nguyễn Trọng Văn. *Quan điểm của Nguyễn Trường Tộ về con đường cứu nước ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (396)-2009, tr. 32-35.

(3). Dẫn theo Trương Bá Cẩn. Sdd, các tr.107-112.

(4). Dẫn theo Nguyễn Trọng Văn. Tlđd, tr. 35.

(5). Trương Bá Cẩn. *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*. Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1988, tr. 100.